

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quốc Trung

2. Ông Hoàng Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXX - ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/TB-TA ngày 05 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T – sinh năm 1985. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn B – sinh năm 1978. Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn 4, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 25/5/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đặng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đặng Văn B trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh B thường xuyên uống rượu về đánh đập, chửi bới chị. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị đã sống ly thân với anh B từ tháng 5/2018 cho đến nay,

không còn quan tâm đến nhau nữa, nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Đặng Văn P –sinh ngày 25/5/2008 và Đặng Thị M – sinh ngày 23/6/2010, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đặng Thị M và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Đặng Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như chị T đã trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh và gia đình đã khuyên giải chị T nhiều lần nhưng chị T không thay đổi. Từ năm 2015 đến nay, chị T cứ thỉnh thoảng bỏ đi khỏi nhà khoảng nửa tháng thì lại về. Quá trình mâu thuẫn do bức xúc nên anh có tát chị T. Hiện nay, chị T đã bỏ đi, không liên lạc với gia đình. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T vẫn còn và không nhất trí ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Nếu giải quyết ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu chị T cấp dưỡng cho cháu Đặng Thị M là 1.200.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh qua địa phương cho thấy: Trong quá trình chung sống chị T, anh B có mâu thuẫn, chị T thường xuyên bỏ nhà đi lang thang, không sống chung với anh B. Vợ chồng thường xảy ra xô xát, anh B có đánh chị T. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Văn P và cháu Đặng Thị M, hiện nay hai cháu do anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh B đều làm ruộng. Xác nhận thu nhập của người lao động phổ thông tại địa phương là: 2.333.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa: Chị Đặng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đặng Văn B và nhất trí giao hai con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và cấp dưỡng cho cháu M là 700.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 7/2018. Chị không yêu cầu giải quyết về chia tài sản và nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đặng Thị T để xử cho chị T được ly hôn với anh Đặng Văn B. Về nuôi con

chung: Giao hai con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, chị T phải cấp dưỡng cho cháu M theo quy định của pháp luật. Về án phí: Chị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Đặng Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Đặng Thị T và anh Đặng Văn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 19/10/2009 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh B đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, thiếu tin tưởng nhau. Anh chị đã tự hòa giải và Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Mặc dù, anh B không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh B không thiện chí, không có mặt đầy đủ tại các phiên hòa giải, không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thực tế tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã được địa phương nơi anh chị cư trú xác nhận. Từ đó, có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng và có căn cứ. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Đặng Văn B.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị T và anh B đều xác định có hai con chung là Đặng Văn P –sinh ngày 25/5/2008 và Đặng Thị M – sinh ngày 23/6/2010. Chị T và anh B đều có nguyện vọng giao hai con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, sự thỏa thuận đó phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận. Các đương sự không thống nhất được mức cấp dưỡng cho cháu Đặng Thị M. Tuy nhiên, qua cung cấp của địa phương xác định chị T và anh B đều làm ruộng nên thu nhập được xác định theo mức thu nhập của người lao động phổ thông tại địa phương là 2.333.000 đồng/ tháng và căn cứ thực tế chi phí hàng tháng cho việc nuôi dưỡng 01 cháu, cần buộc chị Đặng Thị T phải cấp dưỡng cho cháu M là: 900.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2018.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung:* Chị T, anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83

Luật Hôn nhân gia đình; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn B.

2. Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Văn P –sinh ngày 25/5/2008 và cháu Đặng Thị M – sinh ngày 23/6/2010. Chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Thị M là 900.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày anh Đặng Văn B có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Đặng Thị T chưa trả đủ số tiền thì còn phải chịu lãi suất bằng 10%/năm của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0001783 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Chị Đặng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THA dân sự huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện Y;
- Lưu HS,TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga

